Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ: .....

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☑

Ngành: Y học Chuyên ngành: Nhi khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN PHẠM ANH HOA

2. Ngày tháng năm sinh: 24/08/1970; Nam ☐ ; Nữ ☑ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tam Xuân –Tam Kỳ – Quảng Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P302 tập thể Viện Nhi –18/879 Đê La Thành – Đống Đa – Hà Nội .

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Gan mật- Bệnh viện Nhi Trung ương. 18/879 Đê La Thành- Đống Đa- Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ……; Điện thoại di động: 0913557709 ; E-mail: dranhhoa@nch.gov.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- 11/ 1995 đến 9/1996: Bác sĩ tập sự tại Bệnh viện Nhi Trung ương
- 1996- 2007 : Bác sĩ điều trị tại khoa Tiêu hoá – Bệnh viện Nhi Trung ương
- 2007-2010 : Bác sĩ điều trị- Khoa Gan mật – Bệnh viện Nhi Trung ương
- 2011- 2013. : Phó trưởng khoa Gan mật – Bệnh viện Nhi Trung ương
- 2013 tới nay : Trưởng khoa Gan mật – Bệnh viện Nhi Trung ương
- Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa ; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Gan mật – Bệnh viện Nhi Trung ương
- Địa chỉ cơ quan: Bệnh viện Nhi Trung ương. 18/879 Đê La Thành – Đống Đa – Hà Nội

- Điện thoại cơ quan: 024 62738846
- Thỉnh giảng tại các cơ sở giáo dục đại học (nếu có):
  - Đại học Y Hà Nội
  - Đại học Y Dược Hải Phòng
  - Đại học Y Dược Thái Nguyên
  - Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Đại học Y Hà Nội
- Đại học Y Dược Hải Phòng
- Đại học Y Dược Thái Nguyên
- Đại học Y Dược- Đại học Quốc gia

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 9 năm 1995; số văn bằng: A130356; ngành: Y học , chuyên ngành: bác sĩ chuyên khoa Nhi; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Hà Nội – Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 5 năm 2004; số văn bằng: 0506 NoA 010430; ngành: Y ; chuyên ngành: Nhi khoa ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Y Hà Nội – Việt Nam
- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 4 năm 2013; số văn bằng: 002039; ngành: Y học; chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Y Hà Nội – Việt Nam
- Được cấp bằng TSKH ngày … tháng … năm ....; số văn bằng: ……; ngành: …….; chuyên ngành: ……; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): ……

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …… tháng ……. năm ……., ngành: ……..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Nghiên cứu căn nguyên gây bệnh, phương pháp điều trị và các yếu tố ảnh hưởng tới tiên lượng bệnh teo đường mật bẩm sinh ở trẻ em
2. Nghiên cứu căn nguyên gây bệnh, điều trị và theo dõi bệnh gan mạn tính ở trẻ em

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 11 học viên sau đại học trong đó có 10 học viên cao học và 1 bác sĩ nội trú
- Đã hoàn thành 4 đề tài NCKH cấp cơ sở
- Tham gia 1 đề tài NCKH cấp Bộ và 1 đề tài Naforted (đề tài ngang Bộ)
- Đã công bố (số lượng) 71 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, 4 bài ứng viên là tác giả chính
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 4 cuốn sách được nhà xuất bản Y học phát hành
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....không .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 12 năm liền (2010 – 2021)
- Chiến sĩ thi đua cấp bộ năm 2014
- 7 lần nhận bằng khen Bộ trưởng các năm 2011, 2013, 2014, 2015, 2017, 2018 – 2019
- Nhận danh hiệu thầy thuốc ưu tú năm 2017

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tôi luôn tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương nơi cư trú.

- Trong quá trình công tác, tôi luôn giữ vững phẩm chất đạo đức của một thầy thuốc và một nhà giáo, tâm huyết, tận tụy với nghề. Luôn cố gắng là tấm gương cho các học sinh của mình về sự nghiêm túc trong công việc và nghiên cứu. Ứng viên luôn cố gắng học tập và nâng cao trình độ về giáo dục, phương pháp dạy học để có thể ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tôi luôn cố gắng tích cực tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, học viên về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập đạt chất lượng và hiệu quả cao. Trong 10 năm tham gia công tác đào tạo, tôi đã liên tục tham gia công tác đào tạo sau đại học. Hướng dẫn thành công 10 học viên cao học 1 bác sỹ nội trú bệnh viện nghiên cứu và bảo vệ thành công luận văn với kết quả cao. Hiện tôi đang tiếp tục hướng dẫn 3 học viên cao học chuẩn bị bảo vệ luận văn vào năm 2021.

- Cùng các đồng nghiệp, tôi đã hoàn thành và công bố được 71 công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín, trong đó có 11 công bố quốc tế trên các tạp chí uy tín (4 công trình là tác giả chính), tham gia 1 đề tài nghiên cứu cấp Bộ (2016) và là thư ký của 1 đề tài nghiên cứu Naforted (2021). Hiện tôi đang tiếp tục tham gia nghiên cứu 1 đề tài cấp

nhà nước với vai trò thư ký đề tài và là nghiên cứu viên chính của 2 đề tài hợp tác quốc tế nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm.

- Trong quá trình công tác, tôi có 12 năm liên tục đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp sơ sở (2010 – 2022), đạt chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2014, 7 lần được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ y tế, được xét tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú năm 2017.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016 – 2017			3			210	210/182/170
2	2017 – 2018			2			224,5	224,5/185,75/135
3	2018 – 2019			2			344,5	344,5/296,75/135
03 năm học cuối								
4	2019 – 2020			1			320	320/279,5/135
5	2020 – 2021			1			166	166/179,5/135
6	2021 – 2022			1		14	82	152,7/208,2/135

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☑

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội . Số bằng: 8562.; Năm cấp: 1997

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hoàng Thị Xuyến		+	+		2012 – 2014	Trường ĐH Y Hà Nội	10/02/2015
2	Mai Thị Giang		+	+		2013 – 2016	Trường ĐH Y Hà Nội	09/3/2017
3	Bạch Thị Ly Na		+	+		2014 – 2016	Trường ĐH Y Hà Nội	25/01/2017
4	Vũ Thị Thúy		+	+		2014 – 2016	Trường ĐH Y Hà Nội	25/01/2017
5	Đoàn Thị Lan		+	+		2016 – 2018	Trường ĐH Y Hà Nội	03/12/2018
6	Bùi Thị Kim Oanh		+	+		2016 – 2018	Trường ĐH Y Hà Nội	03/12/2018
7	Hoàng Thị Vân Anh		+	+		2017 – 2019	Trường ĐH Y Hà Nội	16/12/2019
8	Nguyễn Đăng Hoàn		+	+		2017 – 2019	Trường ĐH Y Hà Nội	16/12/2019
9	Phạm Thị Hải Yến		+	+		2017 – 2019	Trường ĐH Y Hà Nội	16/12/2019
10	Nguyễn Thị Thùy Dung		+	+		2018 – 2020	Trường ĐH Y Hà Nội	08/11/2021
11	Bùi Đình Dương		+	+		2019 – 2021	Trường ĐH Y Hà Nội	28/02/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, tham gia biên soạn	Phần biên soạn của ứng viên	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGD (số văn bản xác nhận sử dụng sách)	ISBN (nếu có)	Trang (Trong hồ sơ)
I	**Sau khi được công nhận TS**								
1	**Giáo trình Nhi khoa sau đại học**	GT	Nhà xuất bản Y học 2020	28	Tham gia	Trang 534 – 604	Số Quyết định 616A/QĐ-YDHP ngày 11/6/2020		
2	**Sách giáo khoa Nhi Khoa**	GT	Nhà xuất bản Y học 2016	95	Tham gia	Trang 924 – 929 Trang 1350 – 1352	Số quyết định 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017		
3	**Thiếu hụt citrin ở trẻ em**	CK	Nhà xuất bản Y học 2020	1	Chủ biên				
4	**Bài giảng chuyên khoa định hướng nhi**	GT	Nhà xuất bản Y học 2012	42	Tham gia	Trang 235 – 249			

- 1 sách chuyên khảo do nhà xuất bản y học xuất bản

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Sau khi được công nhậnTS				
1	Nghiên cứu ứng dụng điều trị suy gan cấp trẻ em bằng lọc máu và ghép gan cấp cứu	Tham gia	2016-64-273/KQNC	2012 – 2015	17/3/2016 Xuất sắc
2	Phát triển kỹ thuật mới Real – time PCR biến tính ở nhiệt độ thấp sử dụng đầu dò Taqman Locked – nucleic Acid (LNA – probe Real-time COLD-PCR có độ nhạy cao để phát hiện sớm tần suất và tỷ lệ quần thể đột biến kháng thuốc Nucleoside Analog của virus HBV	Thư ký	108.04-2017.307 Đề tài NAFORTED	2018 – 2021	10/12/2021 Đạt

3	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh lý vàng da ứ mật do thiếu hụt citrin ở trẻ em	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2009 – 2010	08/4/2011 Tốt
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của tình trạng nhiễm Cytomegalo virus ở bệnh nhân teo đường mật bẩm sinh	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2014 – 2015	04/3/2015 Tốt
6	Nhận xét hiệu quả điều trị u mạch máu gan ở trẻ em bằng Propranolon	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018 – 2019	03/9/2019 Khá
6	Tìm hiểu căn nguyên gây bệnh và nhận xét giá trị tiên lượng của tháng điểm MELD/PELD trong suy gan cấp ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018-2019	03/9/2019 Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính (đánh dấu ✓)	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học/ISSN/ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước công nhận Tiến sĩ								
1.	Early outcomes of Laparoscopy Surgery for Biliary Atresia	8		Journal of Pediatric Surgery ISSN: 0022-3468	IF: 2.545 CiteScore: 4.1	37	Volume 45, Issue 8, August 2010, Pages 1665-1667	2010
2.	Bước đầu nhận xét qua 35 trường hợp u gan nguyên phát ở trẻ em	3		Tạp chí Y học ISSN: 0866-7241			Tập 462, trang 218-221	2003
3.	Nhân 2 trường hợp ứ mật trong gan tiến triển có tính chất gia đình được chẩn đoán và điều trị tại bệnh viện Nhi TW	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 332, trang 172-176	2007
4.	Bước đầu nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên nhân và theo dõi sau điều trị các trường hợp vàng da ứ mật ở trẻ em"	2	✓	*Hội nghị khoa học Việt- Úc lần V"*, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7-9 tháng 11 năm 2007			Trang 559-562	2007
5.	Vàng da ứ mật kéo dài do thiếu hụt citrin ở trẻ	4	✓	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 356, số 2, trang 576-579	2009

	em			ISSN: 1859 – 1868				
6.	Sàng lọc 4 đột biến thường gặp trên gen SLC25A13 gây bệnh Thiếu hụt Citrin bằng kỹ thuật sinh học phân tử.	6		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859 – 3860			Tập 2, số 3&4, trang 201-205	2009
7.	Phát hiện đột biến gen ATP7B gây bệnh Wilson.			Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859 – 3860			Tập 3, số 3&4, trang 236-240	2010
8.	Nhận xét các kiểu đột biến gen *SLC25A13* gây bệnh vàng da do thiếu hụt Citrin ở trẻ em VietNam	5	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 386, số 1, trang 36-39	2011
9.	Vàng da do thiếu hụt citrin ở trẻ em đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng	4	✓	Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859 – 3860			Tập 4, số 1, trang 37-44	2011
10.	Kết quả phẫu thuật Kasai trong điều trị teo mật ở trẻ em: Kinh nghiệm một trung tâm với 139 trường hợp	8		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 399, trang 77-81	2012
Sau công nhận tiến sĩ								
11.	Biliary atresia liver histopathological determinants of early post-Kasai outcome	6	✓	Journal of Pediatric Surgery ISSN: 0022-3468	IF: 2.545 CiteScore: 4.1	3	Vol 56, pages 1169–1173 https://doi.org/10.1016/j.jpedsurg.2021.03.039	2021
12.	Biliary atresia combined Wilson disease identified by whole exome sequencing in Vietnamese patient with severe liver failure	8	✓	Medicine Journal ISSN: 1536-5964	IF: 1.889		Vo l14; No 101(2) Jan, :e28547 http://dx.doi.org/10.1097/MD.0000000000028547	2022
13.	Mutation spectrum of *ATP7B* gene in pediatric patients with Wilson disease in Vietnam	8	✓	Molecular Genetics and Metabolism Reports ISSN: 2214-4269	IF: 2.797 CiteScore: 3.4		Volume 31, June 2022, 100861 https://doi.org/10.1016/j.ymgmr.2022.100861	2022
14.	Heptic Hydrothorax-Rare complication in pediatrics	6		International Jourrnal of pediatric Health care and Andvancements ISSN: 2572-7354		1	Vol 2 (2), pages10-12	2015

15.	Biliary atresia in Vietnam: management and the burden of disease	8		Journal of Pediatric ISSN: 2590- 0420	CiteScore: 1.2	14	Vol 161(2), pages 533-537. doi: 10.1016/j.surg.2016.08.012	2017
16.	Three novel mutations in the ATP7B gene of unrelated Vietnamese patients with Wilson disease	10		BMC Medical Genetics ISSN: 1755-8794		4	Vol 19, 104 https://doi.org/10.1186/s12881-018-0619-4	2018
17.	The role of p.Val444Ala variant in the ABCB11 gene and susceptibility to biliary atresia in Vietnamese patients	7		Medicine Journal ISSN: 1536-5964	IF: 1.889		Nov: 24;100(47):e28011 DOI: 10.1097/MD.0000000000028011	2021
18.	Granulocyte-colony stimulating factor GCSF mobilizes hematopoietic stem cells in Kasai patients with biliary atresia in a phase 1 study and improves short term outcome	11		Journal of Pediatric Surgery ISSN: 0022-3468	IF: 2.545 CiteScore: 4.1	4	56 (2021) 1179–1185 https://doi.org/10.1016/j.jpedsurg.2021.03.038	2021
19.	Identification of a wide spectrum of ciliary gene mutations in nonsyndromic biliary atresia patients implicates ciliary dysfunction as a novel disease mechanism	19		EBioMedicine ISSN 2352-3964		3	71 (2021) 103530 https://doi.org/10.1016/j.ebiom.2021.103530	2021
20.	Đột biến gen SLC25A13 gây bệnh thiếu hụt citrin trên người Việt Nam	7		Tạp chí nghiên cứu Y học ISN 2354-080X			Tập 81, số 1, trang 19 -25	2013
21.	Vàng da do thiếu hụt citrin ở trẻ em, sự đa dạng về kiểu gen, kiểu hình và tiên lượng	1	✓	Tạp chi Gan mật Việt Nam ISN 1859-431X			Số 24 , trang 18-27	2013
22.	Ứ đọng sắc tố sắt- một nguyên nhân gây suy gan sớm ở trẻ sơ sinh	9	✓	Tạp chí Gan mật Việt nam ISSN 1859-431X			Số 29; trang 77-81	2014
23.	Báo cáo 8 trường hợp hội chứng ARC	7		Tạp chí Gan mật Việt nam ISSN 1859-431X			Số 29 trang 38-42	2014

24.	Đặc điểm lâm sàng , cận lâm sàng, phân loại và tỷ lệ nhiễm CMV ở bệnh nhân teo đường mật bẩm sinh	9		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859 – 1663			Tập 946, số 12, trang 129	2014
25.	Hội chứng thận hư ở bệnh nhân Wilson: Nhân ba trường hợp được phát hiện tại Bệnh viện Nhi TW	10	✓	Tạp chí Gan mật Việt nam ISSN 1859-431X			Số 31 trang 49-54	2015
26.	Suy gan tối cấp ở bệnh nhân Wilson	5		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859 – 3860			Tập 8, số 6 tháng 11, trang 30	2015
27.	Sử dụng kẽm đơn độc trong điều trị bệnh nhân Wilson	2	✓	Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859 – 1663			Tập 997, số 2, trang 112-114	2016
28.	Bệnh Wilson ở trẻ em- Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng	2		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859 – 3860			Tập 9, số 3 tháng 6, trang 28	2016
29.	Giá trị của chỉ số APRI trong đáng giá mức độ xơ gan và tiên lượng kết quả sau phẫu thuật Kasai teo đường mật bẩm sinh	3		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859 – 3860			Tập 9, số 3 tháng 6, trang 28-29	2016
30.	Nhận xét điều trị u mạch máu gan ở trẻ em bằng Propranolon	2		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859 – 1663			Tập 1032, số 1, trang 106 - 108	2017
31.	Nguyên nhân suy gan cấp	2		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859 – 1663			Tập 1031 số 1; trang 30-33	2017
32.	Áp dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán trước sinh bệnh Wilson	6		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859 – 1663			Tập 1066 (1): 19-23	2018
33.	Hội chứng vàng da ứ mật ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 469, số 1&2, trang 155-158	2018
34.	Tăng áp lực tĩnh mạch cửa ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 471, số 1 trang 46-49	2018
35.	Biến chứng thường gặp ở bệnh nhân teo mật bẩm sinh sau phẫu thuật Kasai	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 472, số 2 trang 131-134	2018
36.	Đánh giá kết quả điều trị teo mật bẩm sinh bằng phương pháp Kasai từ 2010-2016	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 472, số 2 trang 155-158	2018

37.	Áp dụng phương pháp sinh học trong phát hiện sớm người mắc bệnh Wilson chưa có triệu chứng lâm sàng và mang gen bệnh	10		Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-1794			Tập 60, số 7 trang 6-11.	2018
38.	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng u mạch máu gan ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 473, số 1&2, trang 93-95	2018
39.	Nguyên nhân gây bệnh gan mạn tính ở trẻ em	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 474, số 1, trang 112-115	2019
40.	Thiếu sắt và kẽm ở các bệnh nhân teo mật bẩm sinh sau phẫu thuật Kasai	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 474/ số 1, trang 36-66	2019
41.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và các giai đoạn bệnh ở trẻ em nhiễm HBV mạn tính	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 479, số 1 trang 150-155	2019
42.	Báo cáo nhân một trường hợp bệnh nhân teo mật bẩm sinh có bệnh lý Wilson	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 477, số 1 trang 154-158	2019
43.	Phát hiện sớm người mắc bệnh Wilson chưa có biểu hiện lâm sàng bằng xét nghiệm di truyền phân tử	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 477 /số 1 trang 176-179	2019
44.	Giá trị tiên lượng của thang điểm MELD/PELD trong suy gan cấp ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 478, số 1 trang 172-175	2019
45.	Chẩn đoán phân biệt teo mật bẩm sinh và các nguyên nhân khác gây vàng da ứ mật ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 478, số 1 trang 183-186	2019
46.	Các thể lâm sàng bệnh Wilson ở trẻ em	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 479, số 1, trang 70-75	2019
47.	Liên quan giữa đặc điểm mô bệnh học và kết quả dẫn lưu mật ở bệnh nhân teo mật bẩm sinh sau phẫu thuật Kasai	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 482, số 1, trang 156-160	2019
48.	Chẩn đoán phân biệt các nguyên nhân tăng áp lực tĩnh mạch cửa ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 482, số 1, trang 216-219	2019

49.	Sử dụng Vincristin và propranolon trong điều trị u máu nội mô huyết quản dạng Kaposi ở trẻ em	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 483, số 2, trang 299	2019
50.	Nhận xét kết quả điều trị các thể bệnh Wilson ở trẻ em	2		Tạp chí Gan mật Việt Nam ISSN 1859-431X			Số 40 trang 106-111	2019
51.	Một số yếu tố tiên lượng kết quả dẫn lưu mật ở bệnh nhân teo mật bẩm sinh sau phẫu thuật Kasai	3	✓	Tạp chí Gan mật Việt Nam ISSN 1859-431X			Số 40 trang 111-119	2019
52.	Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh Wilson và sàng lọc người mang gen bệnh	3		Tạp chí Gan mật Việt Nam ISSN 1859-431X,			Số 40 trang 119-128	2019
53.	Sàng lọc đột biến V176SfsX28 và P1273Q trên gen ATP7B cho các thành viên trong gia đình gồm 3 thế hệ của một bệnh nhân Wilson.	7		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859 – 3860 .			Tập 12, số 1 trang 28-33	2019
54.	Teo mật bẩm sinh ở bệnh nhân có bệnh lý thiếu hụt citrin	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 484, số 1 trang 269-274	2019
55.	Giá trị của chỉ số PELD và APRI trong tiên lượng dẫn lưu mật sau phẫu thuật Kasai ở bệnh nhân teo mật bẩm sinh	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 484, số 1 trang 254-258	2019
56.	Đặc điểm tổn thương mô bệnh học ở bệnh nhân teo đường mật bẩm sinh có nhiễm virus Cytomegalovirus	12	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 486, số 1&2, trang 98-110	2020
57.	Đánh giá kết quả phẫu thuật Kasai ở bệnh nhi teo đường mật bẩm sinh	2	✓	Tạp chí tiêu hóa Việt Nam ISSN 1859-0640			Tập IX, số 61 trang 3788-3799	2020
58.	Kết quả bước đầu làm lại miếng nối khoảng cửa hỗng tràng trên bệnh nhân teo đường mật bẩm sinh	5		Tạp chi Gan mật Việt nam ISSN:1859-431X			Số 42 trang 87-92	2020
59.	Nguyên nhân gây tăng áp lực tĩnh mạch cửa ở trẻ em	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			497/ số 1 tháng 12, trang 111-116	2020

60.	Chẩn đoán trước sinh bệnh thiếu hụt Citrin bằng kỹ thuật sinh học phân tử	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 497, số chuyên đề trang 178-184.	2020
61.	Bệnh gan chuyển hóa ở trẻ em	1	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 498, số 1 trang 144-149	2021
62.	Báo cáo ca bệnh: Hội chứng gan phổi ở trẻ xơ gan	10	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 498, số 1, trang 99-103	2021
63.	Nhận xét giá trị một số yếu tố trong tiên lượng suy gan cấp ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 501/ số 1 trang 225-229	2021
64.	Giá trị một số chỉ số không xâm nhập trong sàng lọc tăng áp lực tĩnh mạch cửa ở trẻ em	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 502, số 2, trang 186-191	2021
65.	Xây dựng kỹ thuật Real-time COLD-PCR có độ nhạy cao để phát hiện đột biến RT194T kháng thuốc Tenofovir điều trị viêm gan B	10	✓	Tạp chí nghiên cứu Y học ISN 2354-080X			Tập 143 số 7, trang 15-23	2021
66.	Phân tích gen SLC25A13 trong chẩn đoán bệnh thiếu hụt citrin ở trẻ em	6		Tạp chí Y Dược học ISSN 2734-9209			Số 35 trang 28-33	2021
67.	Bệnh gan mật ở trẻ em: Di truyền và biểu hiện lâm sàng	3		Tạp chí Công nghệ Sinh học ISSN 1811-4989			Tập 18/số 4; trang 589-606	2021
68.	Xơ nang tụy bẩm sinh ở trẻ em- Báo cáo ca bệnh hiếm	5		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 510, số 2 , trang 120-123	2022
69.	Tổn thương dạ dày thực quản ở bệnh nhi gan mạn tính có tăng áp lực tĩnh mạch cửa	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 515 , số 2, trang 333-337	2022
70.	Đặc điểm khối dịch tuỷ xương trong liệu pháp khối tế bào gốc tự thân hỗ trợ điều trị bệnh teo đường mật bẩm sinh	11		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			Tập 515, số 2, , trang 251-255	2022
71.	Clinical and genetic features of congenital bile acid synthesis defect with a novel mutation in AKR1D1 gene sequencing: Case reports	15	✓	Medicine Journal ISSN: 1536-5964	IF: 1.889		Vol. 101, No. 25 , June http://dx.doi.org/10.1097/MD.0000000000029476	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 04 bài (số thứ tự 11,12,13, 71)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
…							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
…							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
…					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 ☐ CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 18 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

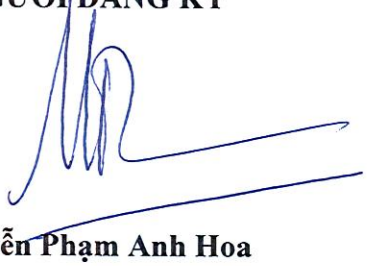

Nguyễn Phạm Anh Hoa